

TỪ NGỮ CHỈ QUAN HỆ THÂN TỘC DÙNG ĐỂ XUNG HÔ TRONG TIẾNG Ê-ĐÊ

PHẠM THỊ XUÂN NGÀ*

Abstract: Language and culture create the characteristics of each ethnic group. In order to identify a people and differentiate its culture from other peoples, it is necessary to study its language and culture. Address terms and the uses of address terms in communication partly reflect the culture of this ethnic group. The article presents the characteristics of the Ede kin terms and their uses as address terms. The analysis will highlight the cultural characteristics of this ethnic group in the ancient society, the period of disintegration of the matriarchy.

Key words: *vocatives, kinship words, Epic of Damsan, Ede language.*

1. Đặt vấn đề

Giao tiếp là một hành vi ngôn ngữ trong giao tiếp của cộng đồng người. Các đối tượng tham gia giao tiếp phải lựa chọn từ xưng hô cũng như cách xưng hô phù hợp với tính chất cuộc hội thoại. Khi xác định được từ ngữ xưng hô, người tham gia giao tiếp đã xác định được vị thế của mình và của người nghe. Như vậy, từ ngữ xưng hô không chỉ là tín hiệu để xác định các vai giao tiếp mà còn là phương tiện, chất liệu của quá trình giao tiếp. Nó chi phối toàn bộ quá trình giao tiếp và có thể thay đổi theo diễn tiến của cuộc hội thoại.

Trong hệ thống từ ngữ xưng hô tiếng Ê-đê, ngoài các từ xưng hô chuyên dụng, ngôn ngữ này còn dùng các từ không chuyên dụng để xưng hô, trong đó đáng chú ý là hệ thống từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc với những đặc trưng riêng của một ngôn ngữ Nam đảo. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày một số đặc điểm về phương diện cấu tạo, ngữ nghĩa và văn hóa của từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Ê-đê được khảo sát qua sử thi Đăm Săn. Sở dĩ chúng tôi chọn Sử thi Đăm Săn để nghiên cứu, vì đây là sử thi sử dụng một hệ thống từ xưng hô khá đầy đủ, cũng là sử thi nổi tiếng nhất thể hiện đặc trưng văn hóa của người Ê-đê.

2. Từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Ê-đê ở xã hội truyền thống

Xét về cấu tạo, các từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc trong trong xã hội truyền thống, qua Sử thi Đăm Săn chủ yếu có cấu tạo là từ đơn. Đó là: *aduôn (bà), aê (ông), amĩ (mẹ), ama (bố), awa (bác - anh trai của mẹ); amiêt (cậu); amai (chị), juk (chị em chồng), ayông (anh), knai (anh em vợ), iê (chị dâu, anh rể), mố (vợ), ung (chồng), adei (em), amuôn (cháu - cô, dì, chú, bác gọi), cồ (cháu - ông, bà gọi), anak (con).*

Bên cạnh đó, một số từ chỉ quan hệ thân tộc có cấu tạo là từ ghép đẳng lập: *aduôn aê (ông bà), amai adei (chị em), ayông adei (anh em), adam adei/adam dei/dam dei (anh em trai và cậu của một người nữ), amiêt awa (cha chú: các chú cậu bác, các chú các bác); từ ghép chính phụ: iê mniê (chị dâu), mố adei (em dâu), ung adei (em rể), anak êkei (con trai), anak mniê (con gái).*

Xét về số lượng, các từ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong truyền thống, qua Sử thi Đăm Săn xuất hiện không nhiều, chỉ có 20 từ với 475 lần xuất hiện. Tuy nhiên, chúng được dùng theo những cách thức và nguyên tắc riêng. Sự xuất hiện của chúng trong giao tiếp thể hiện các sắc thái biểu cảm khác nhau, qua đó cũng thể hiện những nét văn hóa đặc trưng của người Ê-đê.

3. Từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Ê-đê hiện nay

Hệ thống từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Ê-đê gồm 79 đơn vị, trong đó có 66 từ (chiếm 83,5%) và 13 ngữ (chiếm 16,4%) [2, tr.33].

3.1. Từ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Ê-đê

Phần lớn các từ thân tộc trong tiếng Ê-đê có cấu tạo là từ đơn như chúng tôi đã đề cập ở trên. Hiện nay, người Ê-đê vẫn duy trì các từ thân tộc có cấu tạo là từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ trong các từ thân tộc dùng để xưng hô.

* Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên.

Xét theo thể hệ và lấy *ego* (tôi) làm trung tâm, người Ê-đê có hệ thống từ thân tộc như sau:

(a) Theo quan hệ hàng ngang, cùng thể hệ với *ego*, gồm có: *ayỡng* (anh trai), *amai* (chị gái), *adei* (em), *ung* (chồng), *mố* (vợ), *iê êkei* (anh rể), *iê mniê* (chị dâu).

(b) Theo quan hệ hàng dọc, thể hệ dưới *ego* (coi *ego* là thể hệ thứ nhất), gồm:

- Thể hệ thứ hai của *ego* có các từ: *anak* (con), *dam/adam* (con trai), *abũ/bũ* (con gái)
- Thể hệ thứ ba của *ego* có các từ: *chô* (cháu- ông bà gọi), *amuôn* (cháu- chú bác gọi).
- Thể hệ thứ tư của *ego*: *chẽ* (chắt)
- Thể hệ thứ năm của *ego*: *rẽ* (chít)
- Thể hệ thứ sáu của *ego*: *rai* (chít)
- Thể hệ thứ bảy của *ego*: *ring rai* (con của chít)

Như vậy, trong hệ thống từ chỉ quan hệ thân tộc của người Ê-đê ở sau *ego* có sáu thể hệ: *anak* - *chô* - *chẽ* - *rẽ* - *rai* - *ring rai*.

(c) Theo quan hệ hàng dọc, thể hệ trên liền kề *ego* gồm có:

- *Ama* (bố), *amĩ* (mẹ) *amiêt* (cậu - em trai mẹ), *ama da/ama điêt* (chú - em trai bố).
- *Aneh* (chồng em gái bố/mẹ; khi gọi thân mật cho con từ *aneh* có thể gọi bằng *amĩ da*), *mneh* (bố dượng, chồng thứ hai của mẹ).

- *Awa* (bác - vợ anh trai bố/mẹ)

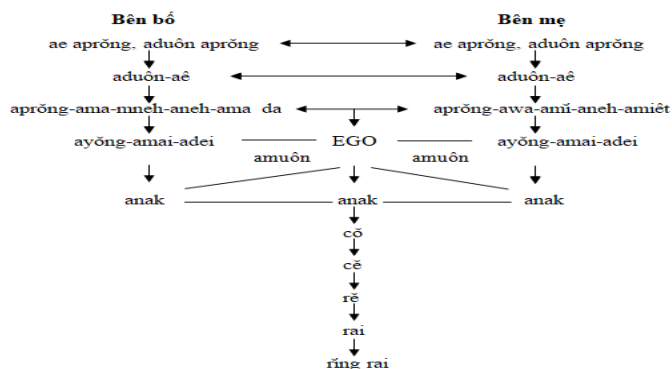
- *Aprông* (bác - chị của mẹ, chồng chị của mẹ và bố, anh chị và vợ chồng anh chị của bố)

(d) Theo quan hệ hàng dọc, thể hệ trên thứ hai của *ego* có: *ae* (ông), *aduôn* (bà).

(e) Theo quan hệ hàng dọc, thể hệ trên thứ ba *ego* có: *aduôn aprông* (cụ bà), *ae aprông* (cụ ông).

Trong hệ thống từ chỉ quan hệ thân tộc của người Ê-đê chỉ có ba thể hệ trên *ego* mà không có từ chỉ thể hệ trên, đời thứ tư, người sinh ra cụ của *ego*.

Có thể diễn giải hệ thống từ thân tộc cơ bản tiếng Ê-đê qua bảng sau:



- | | |
|----------------------|---|
| - Quan hệ thông gia: | ↔ |
| - Quan hệ trực hệ: | → |
| - Quan hệ bàng hệ: | — |

3.2. Ngữ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Ê-đê

Về cấu tạo, ngữ thân tộc trong tiếng Ê-đê có số lượng không nhiều. Các ngữ này thường có một thành tố đóng vai trò trung tâm, các thành tố xung quanh bổ sung ý nghĩa cho thành tố trung tâm. Thành tố trung tâm thường đứng ở vị trí trước của ngữ. Ví dụ:

Amai adei mố [(chị + em) + vợ = chị em vợ]

Trong ví dụ trên, *amai adei* (chị em) là một từ ghép đẳng lập. Khi *amai adei* kết hợp với *mố* (vợ) nó có nghĩa là một ngữ *amai adei mố* (chị em vợ) dùng để chỉ những người chị, người em gái của vợ. Tiếng Ê-đê có rất nhiều ngữ thân tộc được tạo ra theo kiểu như thể này. Ví dụ:

Ayỡng adei sa amĩ [(anh + em) + một + mẹ = anh em ruột].

Ayõng adei sa djue [(anh + em) + một + họ = anh em họ].

Amai adei ung [(chị + em) + chồng = chị em chồng].

Amai adei mtào mniê [(chị + em) + dâu, rể + giới nữ = chị em dâu].

Tiếng Ê-đê còn có các ngữ cấu tạo theo kiểu dùng một thành tố chính có cấu tạo đơn tiết kết hợp với các thành tố phụ miêu tả thứ bậc để tạo nên một ngữ thân tộc. Ví dụ:

Anak tal êlao [(con + thứ, hàng + trước hết) = con cả].

Ung tal sa [(chồng + thứ + một) = chồng đầu].

Ung tal dua [(chồng + thứ + hai) = chồng thứ hai].

4. Đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ dụng của từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc dùng để xưng hô trong tiếng Ê-đê

4.1. Từ thân tộc dùng để xưng hô trong mối quan hệ gia đình

- *Amĩ* (mẹ): được dùng để chỉ và xưng hô giữa hai người có quan hệ mẹ - con. Trong Sử thi Dăm Săn, chỉ có mối quan hệ giữa Hơ Ấng và Dăm Săn (cháu) là mối quan hệ mẹ - con, đoạn đối thoại sử dụng từ thân tộc này như sau:

(1) **ĐĂM SĂN** - *Boih, amĩ ah, káo dê káo puk kba hma alah, jah druôm amáo kriăng. Leh kbloh, mli arăng jam, êdam arăng buah, sah mdrông arăng lač* [3; tr.69].

ĐĂM SĂN - Ôi chu cha, **mẹ** ơi, việc nhà con nhác, việc nương rẫy con lười, đốn cây làm cỏ con không siêng! E rằng rồi đây chủ người ta sẽ chê, tớ người ta sẽ trách, nhà tù trưởng người ta sẽ nói ra nói vào, mẹ ă! [4, tr.71].

H'ÔNG - **Ông** nao dök brei tơ jhưng, kthưng klỗ. **Ông** nao yua brei dỏ ngăn amiêt **ông** đưm [3, tr.69].

HƠ ẤNG - **O con**, giường của cậu con, con cứ đến mà nằm. Ghế cậu con ngồi sai khiến việc nhà, con cứ đến mà ngồi. Đồ đạc của cái của cậu con từ xưa, con cứ đến mà dùng (II, tr.78).

Ở đoạn đối thoại trên, Dăm Săn gọi Hơ Ấng là *amĩ* (mẹ) nhưng không xưng là *anak* (con) mà xưng bằng một đại từ nhân xưng (ĐTNX) *káo* (tôi). Và Hơ Ấng cũng không gọi Dăm Săn là *anak* (con) mà dùng một ĐTNX để gọi - *ông* (mày). Trong tiếng Ê-đê, *ih* và *ông* đều dùng để gọi người, sự vật ở ngôi thứ II, số đơn. Nếu như *ih* được dùng rộng rãi với sắc thái trung hòa thì *ông* (mày, ngươi) chỉ được dùng trong trường hợp thân mật, suồng sã hoặc coi thường.

- *Amuôn* (cháu): là một danh từ thân tộc được sử dụng để cô, dì, chú, bác gọi con của nhau. *Amuôn* và *cô đều có nghĩa là “cháu”*, song lại khu biệt rõ rệt bởi *cô* trong quan hệ với *aduôn aê* chứ không trong quan hệ với *amiêt* (cậu), *awa* (bác), *mneh* (chú), *aneh* (cô). Nhưng nếu như *amuôn* chỉ dùng để xưng hô trong quan hệ gia đình, thân tộc thì *cô* có thể dùng để xưng hô trong quan hệ xã hội. Ví dụ:

(2) **H'ÔNG** - *O adei hlăm buồn, ơ amuôn hlăm sang, bơ bẻ drei nao tất êkei Dăm Săn dök mỗ* [3, tr.70].

HƠ ẤNG - Hỡi các em trong làng, hỡi các **cháu** trong nhà! Chúng ta hãy đi đưa Dăm Săn về nhà vợ nào! [4, tr.78].

- *Êkei* có nghĩa là đàn ông, con trai, song *êkei* trong tiếng Ê-đê lại là danh từ thân tộc dùng để chỉ người do ego sinh ra, giới tính nam. Trong tiếng Ê-đê, *anak* (con), *anak êkei* (con trai), *anak mniê* (con gái) thường chỉ được dùng để giới thiệu chứ không dùng trong xưng hô, nhưng người Ê-đê lại dùng *êkei* để hô. Ví dụ như đoạn thoại dưới đây:

(3) **H'ÔNG** (lã kơ Dăm Săn) - *O êkei, ơ êdam, rông mỗ bi m'ak, rông anak bi yáo, aguah nao kơ hma, êla kơ ku, thu êa nguôm kơ hrók kduôn. Dăm ngă aguah sang ama, êla sang amĩ. Dăm lui hẻ mỗ anak ôh...* [3, tr.70].

HƠ ẤNG - **O con**, **ơ con**, con hãy lo nuôi vợ nuôi con cho được sung sướng vui vẻ. Sáng con phải lên rẫy, trưa ở bẫy, sương mai vừa ráo đã đi đó đi đơm. Con chó có sớm ở nhà cha, trưa ở nhà mẹ, bỏ mặc vợ con một mình. [4, tr.79]

Trong tiếng Ê-đê, *êdam/dam* có nghĩa là “chàng trai”, nhưng trong ngữ cảnh này, các từ *êkei*, *êdam* được Hơ Ấng dùng để gọi Dăm Săn và cũng có nghĩa là “con trai”.

- *Amiêt* dùng để chỉ em trai của người phụ nữ đã có gia đình và con cái. Còn các anh em trai và em mẹ (cậu) của người phụ nữ đó thì được gọi là *adam dei* hay *dam dei*, *adam adei*.

(4) H'ÔNG - Ông nao dök brei tơ jhung, kthung klö. Ông nao yua brei dô ngăn **amiêt** ông đum [3, tr.69].

HƠ ẦNG - O con, giường của **cậu** con, con cứ đến mà nằm. Ghế **cậu** con ngồi sai khiến việc nhà, con cứ đến mà ngồi. Đồ đạc của cái của **cậu** con từ xưa, con cứ đến mà dùng [4, tr.78].

- Iê (anh rể, chị dâu) là từ dùng để chỉ và gọi những người đã lấy vợ/chồng, trong quan hệ với các anh, chị, em của vợ hoặc chồng. Ví dụ:

(5) H' BHI - O **iê**, o **iê**, hriê bẻ huả! Êsei krô hlăm êlũ, mnũ knhang, asei toh êwang msẽ grũ knô. [1, tr.24].

HƠ BHI - O **anh**, o **anh**, về ăn cơm! Cơm đã khô trong bát, gà đã quắt lại trong xiên, thịt gà đã xác ra như thịt kền kền luộc rồi đó! [4, tr.21]

H' BHI: - O **iê**, o **iê**, hriê dlăng bẻ tuê chỉ êman tơ sang drei [3, tr.24]

HƠ BHI- O **anh**, o **anh**, về nhà có khách đến bán voi! [4, tr.21]

(6) Y SUH - Káo amáo wăn blũ duê hống ih ôh, **iê** ah! [3, tr.45].

Y SUH - Nay **ông anh**, chúng tôi không rồi để chơi cái trò nói dối của **ông anh** đâu nhé [3, tr.48].

Ở (5), Hơ Bhi gọi Đăm Săn là **iê** (Đăm Săn vừa là anh rể, vừa là chồng Hơ Bhi). Ở (6), Y Suh cũng gọi Đăm Săn là **iê** vì Đăm Săn là chồng của Hơ Nhị và Hơ Bhi, cả hai đều là các chị gái của Y Suh.

Tiếng Ê-đê không có từ ngữ riêng để gọi người lấy em gái mình, cho nên họ dùng từ ngữ thuật lại là **ung dei** (chồng của em gái - em rể). Ví dụ:

(7) Y DHING - Bơ **ung adei** ah, hmei tĩng kô edũk, ih tĩng kô phũn! [3, tr.24]

Y DHING - O **chồng em gái** của chúng tôi ơi! Để chúng tôi đứng đầu ngọn, bạn đứng đầu góc [4, tr.21].

Iê còn được dùng để gọi chị dâu, chẳng hạn ở ví dụ sau:

(8) TĂNG MĂNG - O **iê** H'Nĩ H'Bhĩ, káo hriê lăc kơ **di ih** ung **di ih** êkei Đăm Săn djiê leh đuôm hlăm Lăn Hlĩn Jũ [3, tr. 65].

CHUỒN CHUỒN - O **chị** Hơ Nhị, o **chị** Hơ Bhi, tôi đến báo các chị biết chồng các chị, anh Đăm Săn, đã chết chìm trong Đất Sáp Đen rồi. [4, tr.73].

Tăng Măng là một con chuồn chuồn mà Đăm Săn sai đi tìm Hơ Nhị và Hơ Bhi để báo tin khi anh đã bị chìm trong rừng Sáp Đen. Vì Đăm Săn với Tăng Măng là anh em nên Tăng Măng gọi Hơ Nhị là **iê** (chị dâu). Đăm Săn và Tăng Măng xưng hô với nhau là **ayông- adei**:

(9) ĐĂM SĂN - O **adei** Tăng Măng, o **adei** Tăng Măng, mã brei káo! [3, tr.65].

ĐĂM SĂN - O **em** Chuồn, o **em** Chuồn, cứu ta với! [4, tr.72].

TĂNG MĂNG - Amáo thảo máo mã ôh káo dê, **ayông** ah! [3, tr.65].

CHUỒN CHUỒN - Tôi thì làm sao cứu được, **anh** ơi! [4, tr.72].

4.2. Từ thân tộc dùng để xưng hô ngoài mối quan hệ gia đình

Trong tiếng Ê-đê, cụ thể ở Sử thi Đăm Săn, đây là lớp từ chiếm số lượng lớn nhất trong số những từ thân tộc dùng để xưng hô.

- Aduôn (bà): là từ thân tộc dùng để chỉ người phụ nữ là mẹ của mẹ, mẹ của cha và tất cả những người đàn bà cùng thế hệ, không phân biệt phía nội hay ngoại, trực hệ hay bàng hệ. Trong Sử thi Đăm Săn, **aduôn** còn được tôi tớ dùng để gọi nữ gia chủ.

(10) H'Nĩ - O **hđeh**, kă bẻ kpiê ! [3, tr.12].

HƠ NHỊ - O các con, hãy đi lấy rượu cột lên! [4, tr.6].

H'ĐEH - Ti kpiê mã kơh, o **aduôn**? [3, tr.12].

TÔI TÓ - Lấy rượu nào, thưa **bà**! [4, tr.6].

(11) YANG HRUÊ: - O **hđeh**, o **hđeh**, hlei lei tuê tơ gah? [3, tr.63].

NỮ THẦN - O **các con**, o **các con**, khách nào ở ngoài ấy? [4, tr.70].

HĐEH - O **aduôn**, hmei amáo thảo kral ôh.... [3, tr.63].

TÔI TỐ - Thưa **bà**, chúng con không được quen... [4, tr.70].

Aduôn trong (10) là Hơ Nhị. H'Nhị gọi tôi tố là *hdeh* (trẻ con, bọn trẻ...), trong ngữ cảnh trên, *hdeh* đã được H'Nhị là chủ nhà dùng để chỉ người hầu và dùng với nghĩa "các con" và những người hầu gọi H'Nhị là *aduôn*; còn *aduôn* ở (11) là nữ thân Mặt Trời.

- **Aê** (ông): dùng để gọi người đàn ông là cha của cha, mẹ và tất cả những người đàn ông thuộc cùng thế hệ đó.

Trong Sử thi Đăm Săn, **aê** còn được sử dụng trong các trường hợp sau:

+ Tôi tố gọi nam chủ nhà:

(12) ĐĂM SĂN - **O hdeh** buôn anei, jăk mớ ih dăng kơ kào? [3, tr.17].

ĐĂM SĂN - Bớ bọn trẻ làng ta, xem ta đã đẹp chưa nào? [4, tr.12].

HDEH - Jăk yoh, **aê** ah! Yáo yoh, **aê** ah! [3, tr.17].

TÔI TỐ - Đẹp rồi đấy, **ông** ạ. Được rồi đấy, ông ạ. [4, tr.13].

+ Dân làng gọi tù trưởng, thủ lĩnh:

MNUI BUÔN SANG - Kriă yoh, kriă đã ba truh tơ wăl, tơ tơ buôn, **aê** ah [3, tr.38].

DÂN LÀNG - Vâng chúng tôi xin chặt. Chúng tôi sẽ chặt và mang theo cho đến bãi ngoài làng, cho đến sân trong làng, **ông** à [3, tr.39].

+ Con người gọi thần thánh (ông Trời):

(13) **AÊ ADIÊ** - **O ơ, ơ ơ**, ya klei ih cǎng hriê jě aguah krah mǎit hlăk pǎt dīh anei? [3, tr.27].

ÔNG TRỜI - **O cháu**, có việc gì mà nửa đêm gà gáy, khi mọi người đang ngủ, cháu phải lên đây vậy? [4, tr.25].

ĐĂM SĂN - Kào hriê mǎh, **aê** ah. Kào hriê mǎ êman. (...) Anăn kào hriê kơ ih, **aê** ah [3, tr.27].

ĐĂM SĂN - Vâng, cháu đã lên đến đây, **ông** ạ. Cháu đi bắt voi. (...) nên cháu lên tìm ông đây, **ông** ạ [3, tr.25].

Đăm Săn gọi ông Trời là **aê** (ông), ông Trời gọi Đăm Săn là **ơ** (cháu), có thể cảm nhận được mối quan hệ rất gần gũi và thân tình giữa ông Trời và Đăm Săn. Con người và thần thánh dường như không còn khoảng cách.

- **Amai** (chị): là thuật ngữ được dùng để chỉ và gọi người phụ nữ cùng một thế hệ trong gia đình dòng tộc, trong mối quan hệ với em mình. Ví dụ:

(14) **H'BHI** - **Hơ**, **amai** ah, sonăn hě ung ih khăp? Sonăn hě ung ih cǎng? [3, tr.19].

HƠ BHI - **Này chị**, người chồng chị ung là đấy phải không, người chồng chị muốn là đấy phải không? [4, tr.15].

H'NI - **Wit** bẻ, **adei** ah, đăm ngă sonăn ôh. [3, tr.19].

HƠ NHỊ - **Ấy em!** Lại đây với chị! Em đừng làm thế [4, tr.15]

Ở đoạn hội thoại trên, Hơ Bhi gọi chị gái mình (Hơ Nhị) là **amai** (chị), Hơ Nhị gọi Hơ Bhi là **adei** (em).

Trong tiếng Ê-đê, từ **amai** còn được dùng để gọi những người phụ nữ lớn tuổi hơn mình nhưng còn trẻ, thường dùng trong giao tiếp xã hội. Ví dụ:

(15) **H'Ơ|NG** - **O ayǎng**, **ơ ayǎng**, jap jing cǎng đĩ pra, khuê êmua đĩ sang asáo, juă sang kào sa bǎng dluh anei? [3, tr.69].

HƠ ẮNG - **O các anh**, **ơ các anh**, có chuyện gì mà chiêng leo giàn bếp, bậc quyền sang lại đến nhà con chó này, bỗng dưng các anh lại hạ cổ đến nhà tôi lần này vậy? [4, tr.77]

Y SUH - **O amai**, đăm ruất prah êjam pram êruê, mǎng anei kơ anăp drei lǎ jě êrô trô mnia [3, tr.69].

Y SUH - **Ấy chớ**, **chị** ơi, xin **chị** đừng vội rấp đường ngăn lối. Từ nay trở đi chúng ta lại đi lại làm thân, cùng nhau mua mua, bán bán [4, tr.77].

Y Suh đi hỏi chồng cho em gái mình là Hơ Nhị, Hơ Ấng là mẹ của Đăm Săn (cháu). Y Suh gọi Hơ Ấng là *amai* (chị), Hơ Ấng cũng gọi Y Suh là *ayõng* (anh).

- *ayõng* (anh): Thuật ngữ thân tộc *ayõng* để chỉ người con trai trong gia đình, dòng họ, cùng thế hệ với ego nhưng sinh trước. Ví dụ:

(16) ĐĂM SĂN - *Iêu bẻ, ayõng ah, êman!* [3, tr.26].

ĐĂM SĂN - *Nào, anh gọi voi đi!* [4, tr.23].

PRO|NG MỪNG - *Boih, amão jhõng iêu ôh káo dê, adei ah! Huĩ êman tiõ.* (1, tr.26).

- *Adei* (em): được sử dụng để chỉ một người nam hoặc nữ trong gia đình, dòng họ, cùng thế hệ với mình nhưng sinh sau hoặc để gọi em của vợ/chồng mình. Ví dụ:

(17) ĐĂM SĂN - *O adei, o adei, ya ih hláp káo gở?* [3, tr.31].

ĐĂM SĂN - *Này cô, sao cô lại đùa với tôi như vậy hả?* [4, tr.29].

Adei còn được dùng để gọi những người ít tuổi hơn mình trong mối quan hệ xã hội. Ví dụ:

(18) HƠ NHỊ (*La kơ Dam Kteh Mlan*) - *Trũn đuể bẻ, adei ah! Adei káo ãu ẩ* [3, tr.19].

HƠ NHỊ - (Nói với Đăm Kteh Mlan) *Thôi, xuống đi, cậu em! Em tôi nó đang rầy đó.* [4, tr.15].

Hơ Nhị và Đăm Kteh Mlan không có mối quan hệ huyết thống, vì Dam Kteh Mlan ít tuổi hơn Hơ Nhị nên Hơ Nhị gọi cậu ta là *adei* (em) và cậu ta cũng gọi Hơ Nhị bằng *amai* (chị).

- *ayõng adei* (anh em- gọi một cách chung chung): được người Ê-đê dùng để gọi những người con trai ngoài xã hội bằng hoặc nhỏ tuổi hơn mình. Ví dụ:

(19) H'ÔNG - *Huấ bẻ, ayõng adei ah! ...* [3, tr.14].

HƠ ẤNG - *Mời anh em ăn cho! ...* [4, tr.9].

Ở đoạn thoại trên, Hơ Lị và Hơ Ấng gọi các anh em trai của Hơ Nhị là *ayõng adei* (anh em) khi họ đến nhà hỏi Đăm Săn (về làm chồng) cho Hơ Nhị. Lúc chỉ có mặt Hơ Ấng, các anh em trai của Hơ Nhị gọi Hơ Ấng là *amai* (chị), nhưng khi có thêm Hơ Lị thì họ gọi cả hai người là *amai adei* (chị em).

Người phụ nữ Ê-đê không dùng *ayõng adei* để gọi các anh em trai của mình. Họ sẽ gọi em trai là *adei*, anh trai là *ayõng*, còn các anh em trai của mình là *adam dei* hoặc *dam dei*.

- *Amai adei* (chị em - gọi một cách chung chung): được dùng để gọi những người con gái lớn tuổi hoặc nhỏ tuổi hơn mình với sắc thái quý mến. Ví dụ:

(20) H'LI:| - *O ayõng adei, jap jing cing đi pra, khua êmua đi sang asáo, đi sang káo sa bằng dlurh anei?* [3, tr.13].

HƠ LỊ - *Thưa anh em, có chuyện gì mà chàng leo giàn bắp, bậc quyền sang lại đến nhà con chó này? Bổng đừng anh em lại hạ cố đến nhà tôi lần này vậy?* [4, tr.8].

Y ĐHING - *Boih, amai adei ah! Đăm ruất prah êjam pram êruê!* ... [3, tr.13].

Y ĐHING - *Ấy, xin người chị em đừng vội lấp rùng ngăn lối.* ... [4, tr.8].

Hơ Lị gọi các anh em của Hơ Nhị là *ayõng adei* (anh em), còn Y Đhing (anh trai Hơ Bhi) gọi chị em của Đăm Săn là *amai adei* (chị em).

- *Cô* (*cháu*): là thuật ngữ thân tộc được sử dụng khi ông bà gọi cháu nội, cháu ngoại của mình. Cần có sự phân biệt giữa *cô* với *amuôn*, từ mà cô, dì, chú bác dùng để gọi con cái của nhau. Như đã nói ở trên, nếu như *amuôn* chỉ được dùng để xưng hô trong mối quan hệ thân tộc thì *cô* được mở rộng để xưng hô với những người không cùng huyết thống. *Cô* được người Ê-đê dùng trong các trường hợp sau:

+ Thần thánh dùng để gọi con người:

(21) AÊ ADIÊ - *O cô, o cô, truh yõ ung ih tơ sang?* [3, tr.18].

ÔNG ĐIÊ - *O cháu, o cháu! Chồng cháu đã đến chưa?* [3, tr.13].

H'NỈ - *Ya mnõng ãu mtruh koh, aê!* [3, tr.18].

HƠ NHỊ - *Cái gì đã đến hả ông?* [4, tr.13].

+ Người lớn tuổi (ông, bà) gọi những người bằng tuổi cháu nội, cháu ngoại của mình. Ví dụ:

(22) *H'~I - Ya mnōng di ih cǎng hui koh, ơ cō ah?* [3, tr.32].

HƠ NHỊ - Các cháu đến có việc gì đấy, các cháu? [4, tr.31].

HĐEH - *Hui h'ai moh, aduon ah.* [3, tr.32].

BỌN TÔI TỚ - *Chúng cháu chỉ đi chơi thôi, bà ạ.* [4, tr.31].

Hơ Nhị gọi tôi tớ của người khác (Mtao Grư) là cō, những người này gọi Hơ Nhị là *aduon* (bà), mặc dù giữa họ không có mối quan hệ thân tộc.

5. Đặc điểm văn hóa của người Ê-đê qua sử dụng từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc

5.1. Phản ánh tập tục “nổi nôi” trong hôn nhân

Nuê và *juk* là những từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc đặc biệt trong tiếng Ê-đê. *Juk* được những người phụ nữ thuộc hai *đjuê* (họ) khác nhau dùng để gọi nhau. Thông thường, mối quan hệ của họ là mối quan hệ chị chồng - em dâu, nhưng nếu theo quan hệ “nổi nôi” của người Ê-đê thì họ cũng có thể là mẹ chồng - con dâu. *Nuê* được dùng để gọi người vợ hoặc người chồng *nổi nôi* theo tập tục *chuê nuê*.

Luật tục Ê-đê có 236 điều, trong đó có 8 điều nói về tập tục *chuê nuê* (nổi nôi). “Luật tục gọi là *klei chuê nuê*, *bi chuê* có nghĩa là nổi lại một sợi dây đã đứt, và *nuê* có nghĩa là cái chồi nảy ra ở chân một thân cây đã khô và lớn lên thay thế cho thân cây ấy” [6, tr.228]

Khi người vợ hoặc người chồng chết đi, người còn lại sẽ được tái hôn với một người cùng *nôi* (*nuê*) với người đã chết. *Nuê* là từ dùng để người chồng hoặc người vợ *nổi nôi* gọi nhau. Trong văn hóa Ê-đê, khi đã là vợ chồng thì có thể gọi nhau là *ayōng - adei*, nhưng nếu là vợ chồng *nổi nôi* thì phải gọi nhau là *nuê*.

(23) *H'~I - Hriê bẽ, nuê ah, đi êman* [3, tr.22].

HƠ NHỊ - *Lại đây nuê ơi! Nuê lên voi đi!* [4, tr.18].

Khi Đăm Săn chết, biến thành con ruồi bay vào miệng Hơ Ắng (chị gái Đăm Săn). Hơ Ắng đẻ ra Đăm Săn (cháu). Hơ Nhị lại nhờ các anh, em của mình đến thưa chuyện với Hơ Ắng để *nổi nôi* với Đăm Săn (cháu). Như vậy, ông Mtao Kla và Hơ Bhi, Hơ Bhi và Đăm Săn (cậu), Hơ Nhị và Đăm Săn (cháu) đều có thể gọi nhau là *nuê*.

Xã hội Ê-đê truyền thống có tập tục *nổi nôi* và họ cũng quy định rõ quyền lợi cho người được *nổi nôi*, nhưng chủ yếu vẫn là quyền lợi của người phụ nữ. Chẳng hạn, nếu Hơ Ắng không có người để *nổi nôi* với H'Nhị thì Hơ Ắng phải mua, mượn hoặc thuê mướn *nuê*. Nàng chẳng những phải trả tiền mua hoặc thuê mướn *nuê* mà còn không được hưởng số đồ dẫn cưới của họ nhà gái. Cho nên, Hơ Ắng đã khuyên Đăm Săn đi làm *nuê*. Do lúc bấy giờ, Đăm Săn (cháu) còn bé nên Hơ Ắng đã dặn Hơ Nhị phải dịu dặt, chờ đợi Đăm Săn khôn lớn. Nàng nói với Hơ Nhị:

(24) *H'ONG - Ojuk, ơjuk, hđeh ih cǎng ba, khua ih cǎng guôn. Hmei wǎt yoh hǎ* [3, tr.70].

HƠ ẮNG - *O duk, ơ duk, nuê còn bé, duk hãy dặt dịu, duk hãy chờ ngày nuê khôn lớn nhé. Chúng tôi về đây* [4, tr.79].

Như vậy, cách xưng hô bằng từ thân tộc ít nhiều đã phản ánh rõ tập tục *chuê nuê* (nổi nôi, nổi dây) trong hôn nhân, nét văn hóa đặc trưng của người Ê-đê.

5.2. Thể hiện đặc điểm xã hội mẫu quyền

Trong Sử thi Đăm Săn, số lượng từ thân tộc bên mẹ (*amĩ, awa, amiêt, amiêt awa, adam dei, yuk, ung dei*) nhiều hơn bên cha (*knai*). Còn có thể thấy rõ điều này trong cách kết hợp các từ ngữ xưng hô sóng đôi như: *aduon aê* (bà ông), *amĩ ama* (mẹ cha), *amai ayōng* (chị anh),... Bên cạnh đó, từ thân tộc thể hiện sự đề cao vai trò của những người thuộc dòng nữ. Khi có những việc đặc biệt quan trọng, nhất là hôn nhân, vai trò của *adam dei* (các ông cậu và anh em trai) của người phụ nữ đặc biệt quan trọng. Trong hôn nhân, người phụ nữ Ê-đê chủ động tìm hiểu đối tượng để kết hôn. Nếu họ ưng ý một người nào đó, họ sẽ nhờ

các *adam dei* đến nói chuyện với nhà trai. Phía đằng trai cũng vậy, người đứng ra nói chuyện về hôn nhân của chàng trai là mẹ và các chị em gái của anh ta. Thể hiện rõ ở các đoạn thoại dưới đây khi gia đình Hơ Nhị muốn *adam dei* của mình đến gia đình Đăm Săn để bàn chuyện kết hôn (mang tính chất *chuê nuê*) giữa Đăm Săn và Hơ Nhị:

(25) Y DHING - *Ya klei ih iêu hmei koh, ơ adei? Ya klei ih kuu hmei koh, ơ adei?* [3, tr.11].

Y ĐHING - *Ồ em, có việc gì mà em cứ gọi, có việc gì mà em cứ kêu chúng tôi đấy hả, em?* [4, tr.5].

H'NỈ - *Káo iêu bruă anei klei đăm amáo, káo iêu bruă adih klei đăm máo. Hing kơ yang, ang kơ cũ, hmũ yũ ngổ arăng lăc H'Nỉ, H'Bhĩ kyáo lu êguh, djuh lu êDRAM, đăm lu adei lu...* [3, tr.11].

HƠ NHỊ - *Tôi gọi anh em chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, nghe đông tây đâu đâu cũng nói Hơ Bhi, Hơ Bhi như gốc nhiều cành, như cây nhiều nhánh, anh em lắm, họ hàng nhiều...* [4, tr.5].

Hoặc đoạn thoại sau giữa các chị em gái của Đăm Săn với các *adam dei* của Hơ Nhị:

(26) H'LI - *Ơ ợyong adei, jap jing cũng đi pra, khuá êmua đi sang asáo, đi sang káo sa băng dluh anei?* [3, tr.13].

HƠ LỊ - *Thưa anh em, có chuyện gì mà chiêm leo giàn bếp, bậc quyền sang lại đến nhà con chó này? Bồng dung anh em lại hạ cổ đến nhà tôi lần này vậy?* [4, tr.8].

Ở (25), Hơ Nhị gọi *adam dei* (các anh trai và em trai) của mình đến nhà Đăm Săn để hỏi Đăm Săn làm chồng. Ở (26), người đón tiếp *adam dei* của Hơ Nhị là Hơ Ắng và Hơ Lị (chị gái và em gái) của Đăm Săn. Điều này đủ để chứng minh rằng, người phụ nữ có vai trò rất quan trọng, các anh em trai của người phụ nữ lại càng quan trọng hơn. Trong gia đình người Ê-đê, *adam dei* được đề cao, chỉ sau người phụ nữ được coi là chủ nhà (*ana gô*). Ngoài việc đi hỏi chồng cho các chị em gái và cháu gái của mình, *adam dei* còn đại diện cho dòng họ giải quyết những vấn đề khác như tang ma, mua bán đất đai, kiện tụng,... Giữa người cậu và các cháu trai (con trai của các chị em gái) cũng có một mối quan hệ mật thiết. Về những chuyện liên quan đến phụ nữ, cậu và cháu trai cũng có các quyền lợi chung. Khi cậu mất, theo quy định, cháu trai là người thay thế cậu lấy vợ. Vì thế, trong cuộc sống, “người cậu dùng thoải mái từ “vợ” để gọi người vợ của đứa cháu trai gọi mình bằng cậu. Ý thức này có thể hiện rất sớm ở những đứa trẻ” [7, tr.171]. Như vậy, có thể nói rằng, trong các mối quan hệ thân tộc thì “Quan hệ giữa anh/em trai với chị/em gái có lẽ quan trọng nhất, phong phú nhất và cũng phức tạp nhất trong tất cả các quan hệ mà một cá nhân có thể có với đồng loại của mình” [7, tr.161].

Người phụ nữ Ê-đê có trách nhiệm đối với các *adam dei* của mình. Mẹ và các chị em gái là người quản lý tài sản của các anh em trai. Khi một người đàn ông Ê-đê chết vợ, nếu nhà vợ không có người để “nối nôi” thì anh ta sẽ phải ra khỏi nhà vợ và trở về nhà mẹ đẻ. Nếu anh ta lấy vợ khác thì thôi, còn không lấy vợ khác thì mẹ và chị em gái của anh ta sẽ là người chăm sóc cho anh ta, tức là chăm sóc cho *adam dei* của mình. Khi mẹ và các chị em gái của *adam dei* chết, các cháu gái sẽ thay họ chăm sóc cho *adam dei* của gia đình.

5.3. Thể hiện quan niệm vạn vật hữu linh

Trong tâm thức thần linh của người Ê-đê, thế giới gồm có ba tầng: tầng trời, tầng mặt đất và tầng dưới mặt đất. Trong thế giới đó, cuộc sống của con người ít nhiều có sự can thiệp của thần linh và ngược lại, con người cũng có những tác động nhất định đến thế giới thần linh. Mối quan hệ giữa con người và thế giới thần linh luôn có sự gắn bó, thân thiết. Trong Sử thi Đăm Săn, hẳn có việc gì quan trọng là Ông Trời xuất hiện, Ông Trời ghé thăm con người thường xuyên như những người thân trong gia đình. Thậm chí, các thần còn đi lo việc vợ chồng cho con người. Ví dụ:

(27) AE ADIE - *Ơ ố, ơ ố, truh yở ung ih tơ sang?* [3, tr.18].

ÔNG TRỜI - *Ơ cháu, ơ cháu! Chồng cháu đã đến chưa?* [4, tr.13].

H'NỈ - *Ya mnông ừu mtruh koh, aê! Tháo arăng mdôk, tháo arăng mlui! Biă dah adam dei káo tiô nao leh êlô ka bũh wĩt mơh* [3, tr.18].

HƠ NHỊ - Cái gì đến hả **ông**? Biết người ta còn chịu lấy cháu hay người ta đã bỏ! Dù sao, cháu cũng đã cho anh em cháu đi rồi. Chưa thấy họ về, **ông ạ!** [4 tr.13]

AE ADIE - *Amão jing ôh, **chô** ah, tơ ih lui hjăn **adam dei** ih. Ih nao wăt ih, hơnăn koh ung jing mỗ jing* [3, tr.18].

ÔNG TRỜI - Để anh em cháu đi một mình, việc không xong đâu, **cháu ơi!** Cả cháu cùng đi nữa thì việc mới thành, **cháu ạ** [4, tr.13].

Ở đoạn đối thoại trên, Ông Trời gọi Hơ Nhị là *chô* (cháu), Hơ Nhị gọi Ông Trời là *ae* (ông). Họ xưng hô với nhau như những người có quan hệ thân tộc. Ông Trời còn khuyên Hơ Nhị là muốn lấy được Đăm Săn thì nàng phải đích thân đi hỏi chồng chứ chỉ nhờ *adam dei* (các anh em trai) thì không thể có kết quả tốt.

Trong Sử thi, con người và thần linh dường như không có khoảng cách. Con người có thể kết hôn, kết nghĩa với thần linh. Đăm Săn có thể đi bắt Nữ thần Mặt Trời về làm vợ là cũng xuất phát từ quan niệm này.

Mặc dù Đăm Săn đã có hai người vợ nổi nôi là Hơ Nhị và Hơ Bhi nhưng chàng vẫn muốn bắt Nữ thần Mặt Trời về làm vợ: “Tôi muốn có vợ lẽ thứ hai, muốn cả ba vợ tôi đều là những nàng tiên xinh đẹp. Tôi muốn đem nàng xuống trần làm duê, làm êngai, làm chị làm em với Hơ Nhị, Hơ Bhi” [4, tr.71].

Người Ê-đê theo chế độ đa thần, họ quan niệm vạn vật hữu linh, cái gì cũng có *yang* (thần). Vạn vật trong tâm thức người Ê-đê đều hoạt động, có suy nghĩ, vui buồn. Nhưng không phải mọi vật đều có linh hồn mà chỉ có những hiện tượng và sự vật có sự chuyển động mới có hồn. Chuyển động hay không chuyển động lại thuộc vào nhận thức và quan niệm của con người.

Cũng chính vì quan niệm “vạn vật hữu linh” mà người Ê-đê sống giao hòa với tự nhiên, thuận theo quy luật tự nhiên. Vạn vật trong tự nhiên đều được coi như những người bạn. Người Ê-đê dùng các từ ngữ chỉ thân tộc để xưng hô với các con vật và ngược lại: *adei Tăng Tít* (em Bướm), *adei Tăng Măng* (em Chuồn),...

6. Kết luận

Hệ thống từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc trong tiếng Ê-đê không chỉ xưng hô trong quan hệ gia đình mà còn để xưng hô trong các mối quan hệ ngoài họ hàng thân tộc. Tiếng Ê-đê còn có các danh từ thân tộc đặc biệt được sử dụng để vừa giới thiệu vừa xưng hô (*juk, nué* và *adam dei*). Chúng đặc biệt vì không có từ tương ứng trong tiếng Việt và nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới. Đặc biệt, lớp từ ngữ xưng hô chỉ quan hệ thân tộc đã phản ánh đặc điểm xã hội mẫu hệ, thể hiện tập tục *chúe nué* trong hôn nhân và quan niệm vạn vật hữu linh của người Ê-đê. Trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày nay, cần thiết phải có những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tộc người để không bị đứt gãy, mai một, đặc biệt là văn hóa xưng hô của người Ê-đê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Văn Phúc, *Từ vựng các phương ngữ Ê-đê*, Nxb. Tp. HCM, 1998.
2. Đoàn Thị Tâm, *Một vài đặc điểm ngữ nghĩa và văn hóa của lớp từ chỉ thân tộc trong tiếng Ê-đê*, Từ điển học và Bách khoa thư, số 6 (14), 2011.
3. Nguyễn Hữu Thấu, *Sử thi Ê-đê, Khan Đăm Săn và Khan Kteh Mlan*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
4. Nguyễn Hữu Thấu, *Sử thi Ê-đê, Khan Đăm Săn và Khan Kteh Mlan*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
5. Tạ Văn Thông (chủ biên), *Từ điển Ê-đê - Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015.
6. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Luật tục Ê-đê*, Nxb Chính Trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
7. Anne De Hauteclouque - Howe, (Nguyễn Ngọc, Phùng Ngọc Cửu dịch), *Người Ê-đê, một xã hội mẫu quyền*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2004.